

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét ý kiến của Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường dự án Siêu thị
Co.opmart Tháp Mười được tổng hợp tại Công văn số 3026/STNMT-QLMT ngày
19 tháng 7 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Biên bản kiểm tra
ngày 30 tháng 6 năm 2023 kèm theo;*

*Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án Siêu thị
Co.opmart Tháp Mười đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 29/CV-TM
ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại
Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Tháp Mười và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
578/TTr-STNMT ngày 25 tháng 9 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Tháp Mười, tại đường Hùng Vương, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Siêu thị Co.opmart Tháp Mười với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Siêu thị Co.opmart Tháp Mười.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường Hùng Vương, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, Tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư số: Theo Quyết định số 811/QĐ-UBND-HC do

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017; Giấy chứng nhận đăng ký Chi nhánh Hợp tác xã số 0301175691-066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 0301175691-066.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh siêu thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Tổng diện tích dự án: 5.005,7 m², công trình chính khối nhà 01 tầng kinh doanh các sản phẩm của siêu thị.

- Hạng mục phụ trợ của cơ sở gồm: Hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện phục vụ cho sinh hoạt và kinh doanh; Bãi đậu xe, Khu vực văn phòng, các kho chứa, hệ thống xử lý nước thải.

- Công suất hoạt động: Dự án phục vụ cho khoảng 1.100 khách/ngày, bao gồm mua sắm tự chọn và ăn uống.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Tháp Mười có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 28 tháng 9 năm 2023 đến ngày 28 tháng 9 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Công Thương; Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Công an Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười và Chủ dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VT, NC/ĐTQH.lgv(11 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Minh Tuấn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1012 /GPMT-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên và khách hàng với lưu lượng trung bình là $10,8 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nguồn số 02: Nước thải từ khu chế biến, quây cá, tủ trữ lạnh, khu ẩm thực có lưu lượng trung bình là: $7,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung trên đường Lê Quý Đôn.

2.2. Vị trí xả nước thải: tại điểm đầu nối và hệ thống thoát nước chung trên đường Lê Quý Đôn có tọa độ (Hệ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0) đo được như sau: X = 1163606; Y = 592634.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $30 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ ($1,25 \text{ m}^3/\text{giờ}$).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Theo cơ chế tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT cột A với hệ số K=1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (K=1)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m^3	30	-	-
2	pH	-	5 - 9	06 tháng/lần	Không có
3	BOD ₅ ở 20°C	mg/l	30	06 tháng/lần	Không có
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	06 tháng/lần	Không có
5	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	06 tháng/lần	Không có

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (K=1)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0	06 tháng/lần	Không có
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	06 tháng/lần	Không có
8	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30	06 tháng/lần	Không có
9	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	10	06 tháng/lần	Không có
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	06 tháng/lần	Không có
11	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6	06 tháng/lần	Không có
12	<i>Coliforms</i>	MPN/100ml	3.000	06 tháng/lần	Không có

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → Hồ thu gom → Bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải trong quá trình vệ sinh cá nhân của khách và nhân viên trong siêu thị có lưu lượng khoảng 10,8 m³/ngày, sẽ được thu gom vào hai bể tự hoại số 1 và số 2 nhằm loại bỏ bớt lượng cặn, cát, chất hữu cơ,... Sau đó, nước thải tại hai bể tự hoại số 1 và số 2 sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải thông qua 02 đoạn đường cống ngầm riêng biệt có các thông số thiết kế lần lượt như sau: L49m - Ø200 mm – i0,5%; L33m - Ø400 mm – i0,25%.

Đối với nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất → Hồ thu gom → Bể tách mỡ → Hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải tại quầy cá, tủ trữ lạnh có lưu lượng khoảng 7,2 m³/ngày.đêm, được thu gom về khu chế biến thông qua 2 ống cống ngầm được làm từ vật liệu PVC có kích thước lần lượt như sau: L20m - Ø200 mm – i0,5%; L16m - Ø200 mm – i0,5%. Sau đó, nước thải từ khu chế biến được đưa qua bể tách mỡ nhằm loại bỏ lượng mỡ thừa thải bỏ trong quá trình chế biến thông qua cống ngầm có kích thước là: L11,7m - Ø114 mm - i4%. Cuối cùng, nước thải sau khi được xử lý sơ bộ sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải qua đường cống ngầm có kích thước là L54m - Ø114 mm - i4%.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công nghệ xử lý nước thải: Hồ thu gom → Bể tách dầu, mỡ → Bể điều hoà (có thổi khí) → Bể sinh học thiếu khí Anoxic → Bể sinh học hiếu khí

Aerotank (có thổi khí) → Bể chứa màng MBR (có thổi khí) → Bể chứa sau xử lý → Nguồn tiếp nhận (QCVN 14:2018/BTNMT cột A, K=1).

- Hướng tuyến thoát nước thải

Nước thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung sẽ được dẫn về hệ thống thoát nước chung trên đường Lê Quý Đôn qua hệ thống cống đường kính D200mm, chiều dài $L = 82\text{m}$, độ dốc 0,5%.

Hóa chất sử dụng tại siêu thị chủ yếu là phục vụ cho hoạt động của hệ thống xử lý nước thải với số lượng khoảng 15- 30 kg/tháng, loại hóa chất là Javel – NaOCl.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp ứng phó sự cố

- Kiểm tra, nhắc nhở ý thức làm việc của nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải, kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của hệ thống thiết bị vận hành hệ thống theo từng đơn vị công trình.

- Bố trí nhân viên chuyên trách thực hiện hoạt động giám sát vận hành hệ thống.

- Trang bị các máy móc như máy bơm, máy thổi khí dự phòng để tránh tình trạng hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động do thiết bị hư hỏng.

- Định kỳ kiểm tra thông số đầu vào, các công đoạn vận hành đầu ra của nước thải để đảm bảo khắc phục kịp thời các sự cố.

- Khi xảy ra sự cố kịp thời đóng van xả thải sau xử lý, giữ nước trong công trình của hệ thống trong thời gian khắc phục. Xử lý dòng nước đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

2.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

2.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

2.4. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.5. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số không đạt yêu cầu quy định tại Mục A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1012 /GPMT-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

- Nguồn 1: Từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.
- Nguồn 2: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn 3: Tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị hoạt động trong dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

Tiếng ồn phát sinh từ dự án (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, vĩ độ 3°) tương ứng với 3 nguồn như sau:

- Nguồn 1: Từ các phương tiện giao thông ra vào dự án. X = 1163602; Y = 592689.

- Nguồn 2: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng. X = 1163660; Y = 592704.

- Nguồn 3: Tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị hoạt động trong dự án. X = 1163621; Y = 592662.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn phát sinh tại Siêu thị chủ yếu là từ hoạt động phương tiện giao thông ra vào dự án; hoạt động máy phát điện, vận hành máy móc để giảm thiểu lắp đệm cao su chống ồn, chống rung cho hoạt động của các máy phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Máy phát điện được đặt trong khu vực kín, nhằm giảm thiểu tối đa độ ồn. Kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc định kỳ để đảm bảo các thiết bị luôn hoạt động ổn định, hạn chế tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1012 /GPMT-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường: Trong quá trình hoạt động của Siêu thị phát sinh các loại chất thải nguy hại: hộp mực in thải, bóng đèn thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải, linh kiện điện tử, pin, ắc quy thải,... khối lượng phát sinh khoảng 40 kg/năm.

STT	LOẠI CHẤT THẢI NGUY HẠI	MÃ CTNH	ĐẶC TÍNH	Khối lượng/năm
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	24 kg
2	Linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có các linh kiện điện tử	16 01 13	Rắn	03 kg
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	03 kg
4	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	10 kg
	Tổng cộng			40

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Khối lượng: Tổng lượng chất thải rắn phát sinh từ quá trình hoạt động của Siêu thị khoảng 23.271 kg/năm.

- Chủng loại: Gồm phế liệu, thùng carton, thùng mốp,... và khoảng 04m³ bùn thải/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Khối lượng: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Siêu thị khoảng 178,2 m³/năm (tương đương 74.844 kg/năm).

- Chủng loại: Các loại bao bì, giấy các loại, túi nilon, thủy tinh, vỏ lon nước giải khát, thực phẩm thừa,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn, mã

chất thải nguy hại, để thu gom và bảo quản từng loại chất thải rắn nguy hại với thể tích từ 60 - 240 lít. Mỗi loại chất thải được lưu giữ trong mỗi thùng riêng biệt có dán tên, mã số chất thải nguy hại theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 6,4 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Nền tráng xi măng lót gạch, vách tường, mái lợp tole, có vách ngăn nước mưa từ bên ngoài vào và bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài. Kho có dán biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ 06 tháng/lần theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Các thùng rác dung tích 240 lít có bánh xe, nắp đậy đặt tại khu chứa rác thải thông thường để lưu chứa rác thải sinh hoạt phát sinh;

- Các thùng rác có nắp đậy dung tích 60 lít được bố trí trong khu vực nhà vệ sinh, lối đi tham quan trong Siêu thị hàng ngày được thu gom tập kết ra thùng chứa lớn dung tích 240 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa: 15m².

- Thiết kế: Nền tráng bê tông, đặt các thùng chứa loại 660 lít có nắp đậy, đảm bảo không bị thấm nước mưa. Các thùng chứa chất thải rắn đặt trên nền khu lưu chứa.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1012 /GPMT-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.